

sạc xe điện gây ra cho hệ thống điện (chi tiết tính toán tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này), cụ thể cơ cấu Bảng 2.

Bảng 2: Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng trạm, trụ sạc xe điện

| Cấp điện áp | Cao điểm | Bình thường | Thấp điểm |
|--|----------|-------------|-----------|
| Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV) | 174% | 118% | 71% |
| Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV | 195% | 125% | 75% |

Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho trạm, trụ sạc xe điện được xây dựng trên cơ sở giá điện phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh điện năm 2023 mà phụ tải của trạm/trụ sạc xe điện gây ra cho hệ thống điện (biểu đồ phụ tải điển hình trạm/trụ sạc xe điện) nên đảm bảo phân bổ chi phí tới khách hàng sử dụng điện, không có bù chéo giá điện giữa nhóm khách hàng trạm, trụ sạc xe điện và các nhóm khách hàng còn lại. Theo kết quả tính toán, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng trạm, trụ sạc xe điện thấp hơn mức cơ cấu áp dụng cho khách hàng kinh doanh và cao hơn mức cơ cấu áp dụng cho khách hàng sản xuất.

+ Phương án 3: Áp dụng giá điện cho mục đích sạc xe điện theo giá sản xuất (theo ý kiến của Bộ Giao thông vận tải; Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast; Công ty CP sản xuất và kinh doanh Vinfast). Phương án này có thể có tác động (tích cực) tới chính sách phát triển xe điện do làm giảm chi phí sạc điện, tuy nhiên sẽ gây ra tác động tới cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do việc áp dụng giá bán lẻ điện cho sản xuất đối với mục đích sạc xe điện thấp hơn sẽ dẫn tới việc tăng giá điện cho các nhóm khách hàng khác để cân đối lại doanh thu. Điều này có nghĩa là thực hiện bù chéo từ các nhóm khách hàng khác cho nhóm khách hàng trạm, trụ sạc xe điện tại Bảng 3 so sánh của 03 phương án dưới đây:

Bảng 3: So sánh chênh lệch giữa áp dụng phương án giá riêng cho trạm, trụ sạc xe điện với phương án áp dụng giá theo giá sản xuất và kinh doanh

| TT | Nhóm khách hàng sạc xe điện | Cơ cấu thương phẩm trạm/trụ sạc năm 2023 | Sản xuất | Kinh doanh dịch vụ | Cho sạc xe điện | Chênh lệch (đ/kWh) | |
|----|--|--|----------|--------------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| | | (kWh) | (đ/kWh) | (đ/kWh) | (đ/kWh) | Sản xuất (3)-(1) | Kinh doanh (3)-(2) |
| | | | (1) | (2) | (3) | | |
| 1 | Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV) | 25,655,545 | 1,994 | 3,013 | 2,546 | 552 | (467) |
| | a) Giờ bình thường | 13,894,901 | 1,669 | 2,629 | 2,368 | 699 | (261) |
| | b) Giờ thấp điểm | 4,190,978 | 1,084 | 1,465 | 1,425 | 341 | (40) |
| | c) Giờ cao điểm | 7,569,666 | 3,093 | 4,575 | 3,494 | 401 | (1,081) |
| 2 | Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV | 53,558,106 | 2,297 | 3,524 | 2,937 | 641 | (587) |
| | a) Giờ bình thường | 31,816,414 | 1,809 | 2,870 | 2,507 | 698 | (363) |
| | b) Giờ thấp điểm | 3,100,656 | 1,184 | 1,746 | 1,508 | 324 | (238) |
| | c) Giờ cao điểm | 18,641,036 | 3,314 | 4,937 | 3,909 | 595 | (1,028) |

Theo kết quả tại Bảng 3 cho thấy: nếu áp dụng giá điện cho trạm sạc theo giá sản xuất sẽ làm cho khách hàng trạm, trụ sạc xe điện phải trả ít hơn chi phí thực tế gây ra cho hệ thống điện bình quân khoảng từ 552 đ/kWh - 699 đ/kWh tùy cấp điện áp; nếu áp dụng giá điện cho trạm sạc theo giá kinh doanh sẽ làm cho khách hàng trạm, trụ sạc xe điện phải trả nhiều hơn chi phí thực tế gây ra cho hệ thống điện bình quân khoảng từ 467 đ/kWh - 587 đ/kWh tùy cấp điện áp.

Như vậy, Phương án 1 và 3 sẽ tiếp tục làm phát sinh bù chéo giữa các nhóm khách hàng sử dụng điện, khi triển khai áp dụng có thể sẽ không phù hợp với chủ trương được quy định tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (“không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng”) và lộ trình giảm bù chéo giá điện quy định tại điểm c khoản 3 Điều 50 Luật Điện lực 2024. Phương án 2 được xây dựng trên cơ sở giá bán điện phản ánh chi phí của nhóm khách hàng sạc xe điện gây ra cho hệ thống điện. Căn cứ phân tích nêu trên, Bộ Công Thương kiến nghị xem xét lựa chọn áp dụng theo Phương án 2.

(Nội dung này có thay đổi so với Tờ trình số 8592/TTr-BCT để phù hợp với quy định tại Luật Điện lực năm 2024 và không làm thay đổi kết quả tính toán như trình bày ở mục V Tờ trình này)

e) Bỏ khoản 5 Điều 3 quy định về giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước, bổ sung khoản 6 Điều 3 giá bán lẻ điện có nhiều thành phần

Bổ sung khoản 6 Điều 3 quy định về “Trường hợp giá bán lẻ điện có nhiều thành phần áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ” với lý do sau đây: cơ cấu tại Dự thảo Quyết định hoàn toàn là cơ cấu giá điện năng, khi áp dụng cơ chế giá bán lẻ điện nhiều thành phần sẽ có thêm thành phần giá công suất hoặc cố định trong cơ cấu biểu giá dưới dạng đồng/kW hoặc đồng/kVA mà không được thể hiện dưới dạng cơ cấu (%) so với giá bán điện bình quân. Do đó, để phù hợp với lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 50 Luật Điện lực 2024 thì cần bổ sung quy định nêu trên để đảm bảo cơ sở pháp lý áp dụng và thực hiện giá bán lẻ điện sau này.

Bỏ khoản 5 Điều 3 quy định về “Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước” do không khả thi về công nghệ đo đếm điện năng trong thực tế áp dụng giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sinh hoạt tại Việt Nam hiện nay. Khi nào hình thức này được nghiên cứu triển khai thực tế tại Việt Nam, Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu, tính toán trên cơ sở số liệu thực tế để đề xuất bổ sung cơ cấu giá bán lẻ điện cho loại hình này.

(Nội dung này có thay đổi so với Tờ trình số 8592/TTr-BCT để phù hợp với quy định tại Luật Điện lực năm 2024, thực tiễn điều tiết giá điện và xây dựng cơ cấu giá bán lẻ điện phù hợp như trình bày ở mục V Tờ trình này)

g) Điều chỉnh cơ cấu cho các nhóm khách hàng khác

Về việc điều chỉnh cơ cấu biểu giá bán lẻ điện các nhóm để đảm bảo giá điện bình quân không đổi, mức độ điều chỉnh nhỏ, chủ yếu điều chỉnh giảm cơ cấu giá bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện cơ sở lưu trú du lịch trong nhóm khách hàng kinh doanh; cơ cấu giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sản xuất tăng nhỏ trong phạm vi 2% nên ít ảnh hưởng.

(Nội dung này giữ nguyên như đã đề xuất tại Tờ trình số 8592/TTr-BCT)

2.4. Hỗ trợ tiền điện

Tại Báo cáo thẩm định số 64/BCTĐ-BTP, Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) để nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đảm bảo phù hợp về thẩm quyền. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 3055/BCT-ĐTĐL ngày 08/5/2024 gửi lấy ý kiến Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính về việc quy định cơ chế hỗ trợ tiền điện tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và việc đồng bộ chính sách hỗ trợ tiền điện cho các đối tượng này tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc thẩm quyền của các Bộ. Ý kiến của 2 Bộ cụ thể như sau:

- Ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 6343/BTC-QLG ngày 19/6/2024: Bộ Tài chính đề nghị Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ LĐTBXH xây dựng chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định của Luật Điện lực và pháp luật có liên quan. Mặt khác, tại Công văn số 760/BTC-QLG ngày 17 tháng 01 năm 2024, Bộ Tài chính đề nghị quy định cụ thể tiêu chí hộ nghèo tại dự thảo Quyết định theo hướng tham chiếu đến quy định hiện hành, cụ thể: “*Hộ nghèo có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống (đối với khu vực nông thôn) hoặc 2.000.000 đồng trở xuống (đối với khu vực thành thị) và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025...*”.

- Ý kiến của Bộ LĐTBXH: tại Công văn số 4111/BLĐTBXH-CBCTXH ngày 04/9/2024, Bộ LĐTBXH đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp nghiên cứu kỹ quy định về thẩm quyền ban hành để trình ban hành văn bản theo quy định của pháp luật. Mặt khác, Bộ LĐTBXH đề nghị tăng số tiền hỗ trợ tiền điện, theo đó đề xuất quy định “*Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được hỗ trợ tiền sử dụng điện dưới 50kWh cho mục đích sinh hoạt*”.

Theo ý kiến của Bộ TC và Bộ LĐTBXH về thẩm quyền ban hành, căn cứ quy định tại điểm a khoản 13 Điều 5 Luật Điện lực năm 2024: “*Ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo tiêu chí, cơ chế do Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ*”, Bộ Công Thương đề xuất tiếp tục quy định việc hỗ trợ tiền điện tại Dự thảo Quyết định để đảm bảo thực hiện liên tục chính sách an sinh xã hội với các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (như đã thực hiện từ 2014 đến nay). Về đề xuất của Bộ LĐTBXH về việc tăng số tiền hỗ trợ tiền điện (hỗ trợ cho 50kWh điện đầu tiên cho mục đích sinh hoạt), Bộ Công Thương cho rằng cần có đánh giá tác động cụ thể vì việc này sẽ làm tăng ngân sách Nhà nước

sử dụng cho việc hỗ trợ tiền điện (tăng mức hỗ trợ từ 30kWh đầu tiên lên 50kWh đầu tiên); trước mắt Bộ Công Thương đề xuất tiếp tục áp dụng mức hỗ trợ như đã quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg.

Như vậy, Dự thảo Quyết định cơ bản kế thừa quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg và quy định cụ thể trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 760/BTC-QLG ngày 17 tháng 01 năm 2024 và đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Điện lực 2024 như sau:

“1. Hộ nghèo theo tiêu chí của quy định pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt, mức hỗ trợ hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

2. Hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (không thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo quy định tại khoản 1 Điều này) và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh được hỗ trợ tiền điện tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

3. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Đối với giai đoạn 2022-2025, Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo nguyên tắc quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025.”

(Nội dung này có thay đổi tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo Quyết định so với Tờ trình số 8592/TTr-BCT để phù hợp với quy định tại Luật Điện lực năm 2024)

2.5. Tổ chức thực hiện

- So với Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg, Dự thảo Quyết định không đưa nội dung trách nhiệm của Bộ Công Thương trong việc nghiên cứu xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt: “*Cơ chế giá bán điện hai thành phần gồm giá công suất và giá điện năng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép; Cơ chế giá điện khuyến khích để áp dụng thí điểm cho khách hàng tham gia vào chương trình quản lý nhu cầu điện*” do đã được quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều 51 và Khoản 4 Điều 54 Luật Điện lực.

- Dự thảo Quyết định bổ sung trách nhiệm của Bộ Công Thương liên quan việc quy định khung giờ cao, thấp điểm với lý do: Hiện nay theo biểu đồ phụ tải của hệ thống, khung giờ cao điểm, thấp điểm, giờ bình thường đã có sự thay đổi so với quy định tại Thông tư 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện. Để phản ánh đúng chi phí của các nhóm khách hàng gây ra cho hệ thống, khung giờ cao điểm, thấp điểm, giờ

bình thường cần hiệu chỉnh tương ứng, tuy nhiên sẽ cần sửa đổi Thông tư 16/2014/TT-BCT để thực hiện việc này. Vì vậy, để linh hoạt trong thực tiễn vận hành hệ thống điện, Bộ Công Thương đề xuất bổ sung quy định tại khoản 1, Điều 5 Dự thảo Quyết định theo hướng giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bằng văn bản hành chính (Quyết định hành chính) về khung giờ cao điểm, thấp điểm, giờ bình thường phù hợp với tình hình sử dụng điện của hệ thống từng giai đoạn. Việc này sẽ giúp mỗi lần thực hiện điều chỉnh giá điện linh hoạt, kịp thời, phản ánh đúng chi phí của khách hàng sử dụng điện gây ra trong hệ thống điện.

Dự thảo Quyết định bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc bố trí ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

(Nội dung này giữ nguyên như đã đề xuất tại Tờ trình số 8592/TTr-BCT)

2.6. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

Do việc điều chỉnh bậc thang giá bán lẻ điện sinh hoạt, điều chỉnh cơ cấu giá bán lẻ điện cho sản xuất, cần phân bổ đều khoản thiếu hụt doanh thu cho tất cả các nhóm khách hàng nên Bộ Công Thương kiến nghị Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg được tiếp tục áp dụng từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành *(Nội dung này giữ nguyên như đã đề xuất tại Tờ trình số 8592/TTr-BCT)*

Bổ sung khoản 3 Điều 7 Dự thảo Quyết định quy định về sau sắp xếp tinh gọn bộ máy: “*Trường hợp hợp nhất Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tinh gọn, sắp xếp lại Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan mới thành lập từ việc hợp nhất, tinh gọn, sắp xếp lại các Bộ, cơ quan nêu trên kế thừa chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan tới Quyết định này sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định này*”

(Nội dung này có thay đổi tại khoản 3 Điều 7 Dự thảo Quyết định so với Tờ trình số 8592/TTr-BCT)

VII. Vấn đề xin ý kiến

Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ nội dung liên quan đến cơ cấu giá bán điện cho khách hàng sử dụng điện cho mục đích sạc xe điện, cụ thể như sau:

Trên cơ sở nghiên cứu về đặc điểm sử dụng điện hoạt động mua điện để sử dụng cho trạm/trụ sạc xe điện, Bộ Công Thương đã xây dựng phương án tính toán tách riêng cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho trạm, trụ sạc xe điện với các

khách hàng kinh doanh khác và gửi lấy ý kiến rộng rãi các Bộ, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan (tại các Công văn số 4309/BCT-ĐTĐL ngày 04/7/2023 và số 5030/BCT-ĐTĐL ngày 01/8/2023).

Theo các văn bản góp ý Bộ Công Thương nhận được, vẫn còn có ý kiến khác nhau liên quan đến giá bán điện cho khách hàng sử dụng điện cho mục đích sạc xe điện, cụ thể: có 04 ý kiến đề nghị áp dụng giá điện cho mục đích sạc xe điện theo giá kinh doanh (bao gồm EVN tại văn bản số 5312/EVN-TCKT+KD ngày 08/9/2023, Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang, Hội bảo vệ người tiêu dùng và Tổng CTĐL Hà Nội); có 03 ý kiến đề nghị áp dụng giá điện cho mục đích sạc xe điện theo giá sản xuất (bao gồm Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 8766/BGTVT-TC ngày 10/8/2023; Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast tại văn bản số 270/2023/VFTr-CV ngày 18/7/2023 và Công ty CP sản xuất và kinh doanh Vinfast tại văn bản số 202/2023/CV-VF ngày 01/12/2023); có 04 ý kiến đề nghị làm rõ phương pháp tính toán, cập nhật số liệu thực tế trạm/trụ sạc điện của Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm quốc tế.

Trên cơ sở nguyên tắc tính toán giá cho trạm/trụ sạc điện được xây dựng phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh của ngành điện, Bộ Công Thương lựa chọn bổ sung cơ cấu biểu giá điện riêng cho mục đích trạm/trụ sạc xe điện tại Dự thảo Quyết định để gửi Bộ Tư pháp thẩm định, theo đó trạm/trụ sạc xe điện được đề xuất quy định thành 1 nhóm đối tượng khách hàng riêng với cơ cấu ở giữa giá sản xuất và giá kinh doanh.

Tại Báo cáo thẩm định Dự thảo Quyết định, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công Thương cần xem xét lại việc tách trạm/trụ sạc xe điện thành 1 nhóm khách hàng riêng vì số lượng khách hàng này không đại diện cho nhóm khách hàng lớn sử dụng điện, cần làm rõ cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý, thực tiễn cũng như kinh nghiệm quốc tế và có số liệu định hướng phát triển loại hình này trong tương lai. Đối với ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương báo cáo như sau:

- Về số liệu sản lượng điện dùng cho trạm, trụ sạc xe điện: Theo số liệu thống kê năm 2023, sản lượng điện thương phẩm của nhóm khách hàng sạc xe điện chiếm tỷ trọng 0,031% trong tổng sản lượng điện thương phẩm của toàn hệ thống. Về số liệu dự báo, theo báo cáo của Công ty cổ phần phát triển trạm sạc toàn cầu V-Green, nhu cầu điện cho trạm, trụ sạc xe điện giai đoạn 2025-2030 tăng khoảng 277,31% và giai đoạn 2030-2035 tăng khoảng 9,13% (năm 2035 dự báo khoảng 2.194,3 triệu kWh), như vậy nhu cầu điện cho trạm, trụ sạc xe điện đến năm 2035 tương đương với nhu cầu điện cho các cơ sở lưu trú du lịch của năm 2023.

- Về cơ sở pháp lý: để thực hiện được cam kết hướng tới mục tiêu phát thải ròng nhà kính về “0” vào năm 2050, việc phát triển phương tiện, hạ tầng giao thông xanh là một trong những giải pháp để thực hiện mục tiêu trên. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 phê duyệt chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí cacbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải, trong đó có nội dung liên quan

khuyến khích phát triển hạ tầng sạc điện. Ngày 10/8/2024, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 372/TB-VPCP về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp ngày 06/8/2024 về chính sách phát triển phương tiện giao thông xanh và chính sách phát triển trạm sạc điện cho phương tiện giao thông xanh, theo đó giao Bộ Công Thương nghiên cứu, đề xuất và đánh giá tác động của cơ chế hỗ trợ giá điện đối với trạm sạc điện trong quá trình xây dựng Dự thảo Quyết định quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện trình Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Thông báo số 372/TB-VPCP, Bộ Công Thương xây dựng 3 phương án giá bán điện cho trạm sạc điện và có phân tích, đánh giá tác động cụ thể tại mục 2.3.đ phần IV của Tờ trình này và kiến nghị xem xét lựa chọn áp dụng theo Phương án 2.

- Về kinh nghiệm quốc tế, có một số nước áp dụng biểu giá bán điện riêng cho hoạt động sạc xe điện (như tại Hàn Quốc, Mỹ, Thái Lan) trên cơ sở phản ánh chi phí của ngành điện, không trợ cấp trong giá điện, Nhà nước có các chính sách hỗ trợ trong sản xuất và khuyến khích tiêu dùng xe điện thông qua chính sách về thuế/phí, các khoản trợ cấp từ Chính phủ và các ưu đãi/quy định hành chính.

Căn cứ cơ sở pháp lý, kinh nghiệm quốc tế và số liệu dự báo nêu trên, đồng thời đảm bảo từng bước thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW về việc không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, Bộ Công Thương kiến nghị bổ sung cơ cấu biểu giá bán điện riêng cho mục đích sạc xe điện tại Dự thảo Quyết định. Như vậy, việc xây dựng cơ cấu biểu giá bán điện riêng cho khách hàng trạm, trụ sạc xe điện là đảm bảo phù hợp về mặt phương pháp luận và kinh nghiệm quốc tế. Trên cơ sở cập nhật số liệu theo kết quả kiểm tra giá thành sản xuất kinh doanh điện năm 2023 và đặc điểm tiêu thụ điện theo biểu đồ phụ tải ngày điển hình đối với nhóm trạm/trụ sạc xe điện tại Việt Nam, Bộ Công Thương đã tính toán chi tiết cơ cấu giá bán điện mới cho mục đích sạc xe điện trên cơ sở giá điện phản ánh chi phí sản xuất điện mà phụ tải sạc xe điện gây ra cho hệ thống (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này).

Đến thời điểm hiện nay, các văn bản góp ý gần nhất tại văn bản số 10632/BCT-ĐTĐL của Bộ Công Thương về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện. Bộ Công Thương đã nhận được 04 ý kiến góp ý, theo đó đa số các ý kiến đều đề nghị chuyển nhóm khách hàng sạc xe điện vào nhóm kinh doanh để phù hợp với 4 nhóm khách hàng (sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Điện lực 2024. Bộ Công Thương đã tiếp thu nhóm khách hàng sạc xe điện thuộc nhóm khách hàng kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng điện cho kinh doanh, tuy nhiên vẫn đề xuất áp cơ cấu giá bán điện mới cho nhóm khách hàng này như đã đề xuất tại Tờ trình số 8592/TTr-BCT.

Bộ Công Thương kính báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với nội dung này.

VIII. Kiến nghị

Bộ Công Thương đã hoàn thành soạn thảo Dự thảo Quyết định quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công tác tổ chức thực hiện cơ chế về giá điện là công việc được giao cho Bộ Công Thương tại Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP. Quyết định này không có sự thay đổi trong việc sử dụng nhân lực và tài chính so với Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg, vì vậy sẽ đảm bảo nhân lực và tài chính khi thi hành Quyết định; đồng thời Dự thảo Quyết định không làm phát sinh thủ tục hành chính, không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

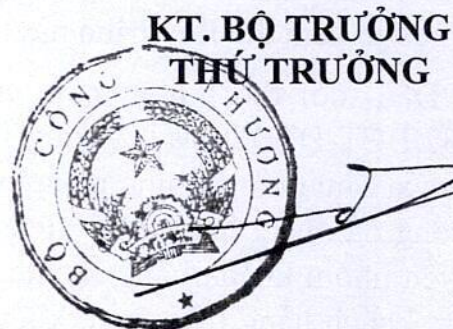
Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và Luật Điện lực 2024.
2. Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
3. Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Dự thảo Quyết định.
4. Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức có liên quan.
5. Bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan của Chính phủ đối với nội dung Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, ĐTĐL.



Trương Thanh Hoài

**Phụ lục. Tính toán cơ cấu giá bán điện cho nhóm khách hàng
sạc xe điện**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 138 /TTr-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2025
của Bộ Công Thương)

Theo báo cáo của EVN tại văn bản số 2656/EVN-KD ngày 14/5/2024 về số liệu thống kê về trạm, trụ sạc xe điện năm 2022-2023, cả nước có khoảng 1.193 trạm, trụ sạc xe điện với sản lượng điện thương phẩm tăng trưởng năm 2023 so với năm 2022 khoảng 220,8% (năm 2022: 24,69 triệu kWh; năm 2023: 79,22 triệu kWh). Ngoài ra, theo báo cáo của Công ty cổ phần phát triển trạm sạc toàn cầu V-Green về nhu cầu sử dụng điện cho trạm sạc tại Việt Nam trong 10 năm tới, nhu cầu điện cho trạm, trụ sạc xe điện giai đoạn 2025-2030 tăng khoảng 277,31% (năm 2025 dự báo khoảng 532,9 triệu kWh; năm 2030 dự báo khoảng 2.010,7 triệu kWh); cho giai đoạn 2030-2035 tăng khoảng 9,13% (năm 2035 dự báo khoảng 2.194,3 triệu kWh). Như vậy, nhu cầu điện cho trạm, trụ sạc xe điện đến năm 2035 tương đương với nhu cầu điện cho các cơ sở lưu trú du lịch của năm 2023. Việc tính toán cơ cấu giá bán điện cho nhóm khách hàng trạm/trụ sạc xe điện được thực hiện theo các bước dưới đây.

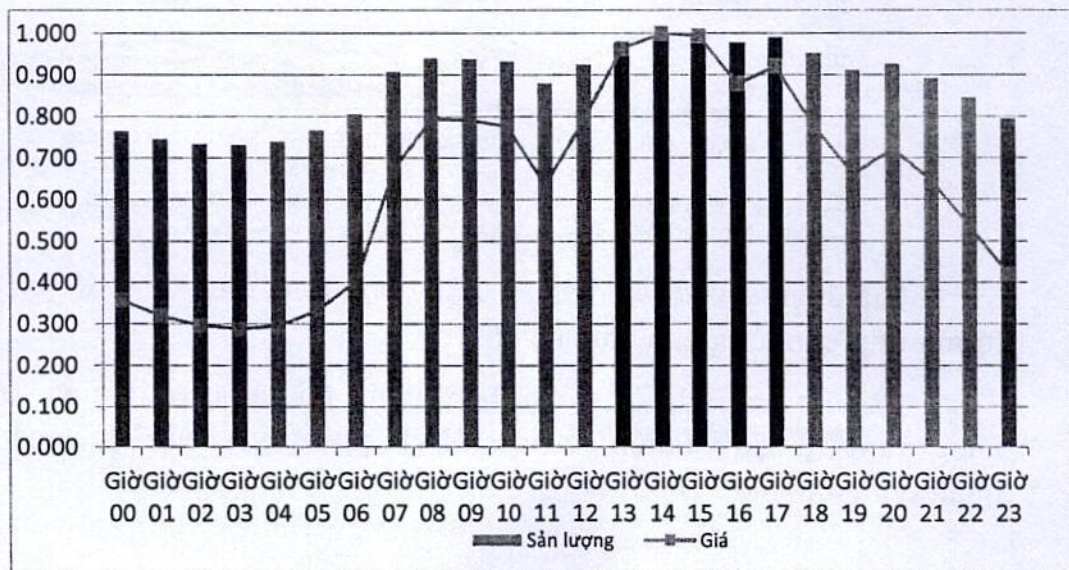
1. Phân bổ chi phí phát điện năm 2023 tới các cấp điện áp theo khung giờ cao thấp điểm

Thực hiện phân bổ theo nguyên tắc:

- Chênh lệch giá cao thấp điểm phản ánh chi phí phát điện được huy động tối ưu hóa chi phí theo phụ tải của hệ thống điện.

- Giá phát điện phân bổ tới các cấp điện áp theo phương pháp cộng tới bao gồm giá truyền tải, quản lý ngành, phân phối có tính đến tổn thất tại các cấp điện áp tương ứng.

Biểu 1: Phụ tải và giá phát điện chuẩn hóa đơn vị bình quân ngày tối ưu năm 2023



Thực hiện phân bổ tổng chi phí phát điện theo thời gian cao thấp điểm trên cơ sở khung giờ cao thấp điểm mới của hệ thống điện (Bảng 2), cụ thể:

- Giờ bình thường, bao gồm: (i) các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy với khung thời gian từ 04h00 đến hết 12h (9 giờ) và Từ 18h00 đến hết 22h (5 giờ); (ii) ngày Chủ nhật với khung thời gian từ 04h00 đến hết 22h (18 giờ).

- Giờ cao điểm, bao gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy với khung thời gian từ 13h00 đến hết 17h (5 giờ).

- Giờ thấp điểm, bao gồm tất cả các ngày trong tuần với khung thời gian từ 22h00 đến hết 04h sáng ngày hôm sau (6 giờ).

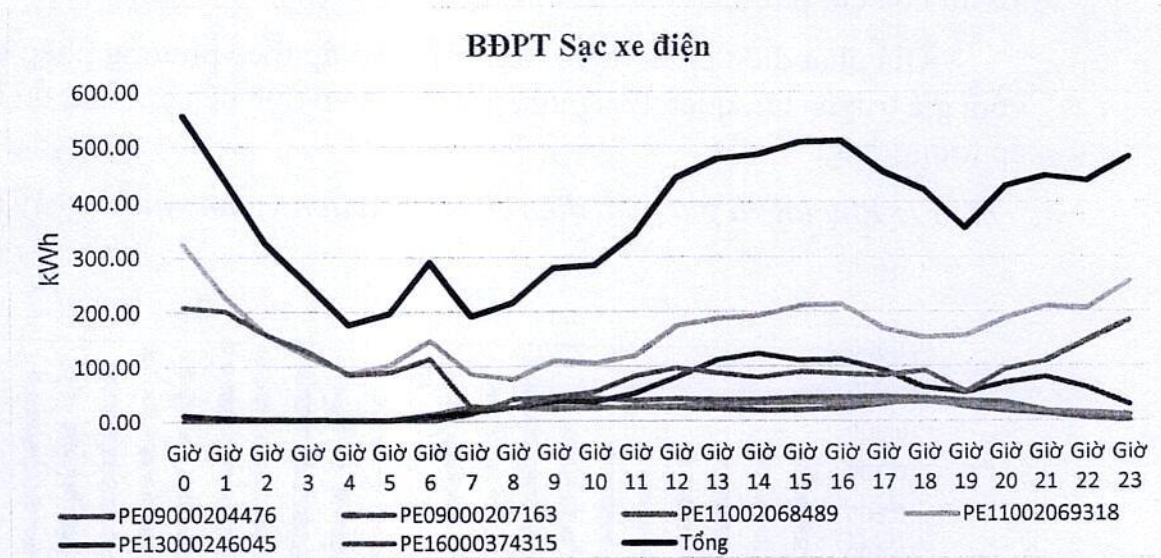
Bảng 1: Kết quả phân bổ tổng chi phí phát điện theo thời gian sử dụng

| Khung giờ cao thấp điểm | Sản lượng (triệu kWh) | Chi phí (tỷ đồng) | Giá phát điện BQ (đ/kWh) |
|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------------|
| Thấp điểm | 67.013.853 | 55.328.046 | 826 |
| Bình thường | 138.022.574 | 237.092.015 | 1.718 |
| Cao điểm | 62.719.305 | 148.936.308 | 2.375 |
| Tổng SL, CP khâu phát điện | 267.755.731 | 441.356.369 | 1.648 |

2. Phân bổ giá tại các cấp điện áp tới các nhóm khách hàng tương ứng

- Đặc điểm nhóm khách hàng sạc xe điện:

Hình 1: Biểu đồ phụ tải điện hình sạc xe điện Vinfast



- Giá điện tại các cấp điện áp thấp hơn tương ứng với tỷ lệ tổn thất điện năng tương ứng của từng cấp điện áp đó.

- Phân bổ chi phí (giá cao thấp điểm) tại các cấp điện áp tới nhóm khách hàng trạm/trụ sạc xe điện có tính tới chi phí truyền tải điện, phân phối điện và quản lý ngành năm 2023.

Bảng 2: Kết quả phân bổ tổng chi phí phát điện theo cấp điện áp

| TT | Phân bổ CP tới cấp điện áp và Khung giờ cao thấp điểm | Giờ cao điểm (đ/kWh) | Giờ bình thường (đ/kWh) | Giờ thấp điểm (đ/kWh) | Giá Bình quân (đ/kWh) | Tỷ lệ tổn thất BQ (%) |
|----|---|----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Đầu cực máy phát | 2,375 | 1,718 | 826 | | |
| 2 | Thanh cái NME | 2,462 | 1,781 | 856 | 1,709 | 3.56% |
| 3 | Cấp điện áp siêu cao áp 500 kV | 2,586 | 1,876 | 944 | 1,809 | 1.72% |
| 4 | Cấp điện áp siêu cao áp 220 kV | 2,620 | 1,887 | 1,030 | 1,844 | 1.28% |
| 5 | Cấp điện áp cao áp 110 kV | 2,906 | 2,158 | 1,299 | 2,077 | 0.78% |
| 6 | Cấp điện áp trung áp MV | 2,953 | 2,174 | 1,308 | 2,166 | 1.57% |
| 7 | Cấp điện áp hạ áp LV | 3,060 | 2,209 | 1,329 | 2,207 | 3.52% |

- Giá điện tại các cấp điện áp thấp hơn tương ứng với tỷ lệ tổn thất điện năng tương ứng của từng cấp điện áp đó.

- Phân bổ chi phí (giá cao thấp điểm) tại các cấp điện áp tới nhóm khách hàng trạm/trụ sạc xe điện theo đặc điểm của nhóm phụ tải này (bao gồm hệ số phụ tải và hệ số phân bổ phụ tải theo ngày): Kết quả phân bổ và tính toán cơ cấu biểu giá bán điện cho nhóm khách hàng trạm/trụ sạc xe điện theo Bảng 4.

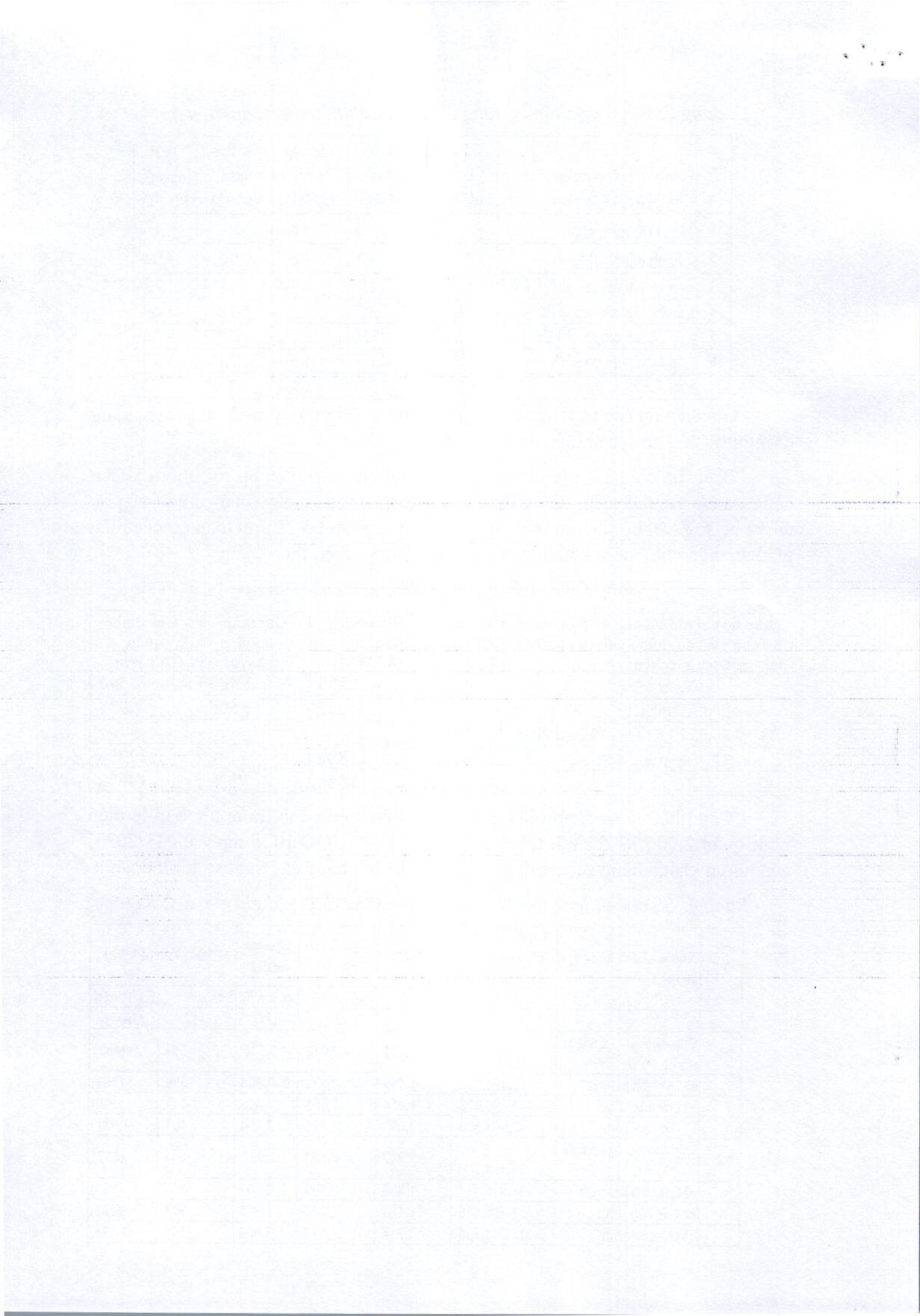
Bảng 3: Cơ cấu giá bán điện theo cấp điện áp

| Phân bổ chi phí tới cấp điện áp và Khung giờ cao thấp điểm cho phụ tải trạm/trụ sạc điện | Giờ cao điểm (đ/kWh) | Giờ bình thường (đ/kWh) | Giờ thấp điểm (đ/kWh) | Giá Bình quân (đ/kWh) |
|--|----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Cấp trung áp | 3.494 | 2.368 | 1.425 | 2.546 |
| Cấp hạ áp | 3.909 | 2.507 | 1.508 | 2.937 |
| % Tỷ lệ giá BQ 2.006,79 đ/kWh | | | | |
| Cấp trung áp | 174% | 118% | 71% | 127% |
| Cấp hạ áp | 195% | 125% | 75% | 146% |

- Cập nhật và so sánh biểu giá bán lẻ điện hiện hành (mức giá bán lẻ điện bình quân 2.006,79 đ/kWh tại Quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 08/11/2023) của nhóm khách hàng sạc xe điện với nhóm khách hàng sản xuất và kinh doanh:

Bảng 4: SS chênh lệch giá cho trạm, trụ sạc xe điện với giá cho SX, KD

| TT | Nhóm khách hàng sạc xe điện | Cơ cấu thương phẩm trạm/trụ sạc năm 2023 kWh | Sản xuất | Kinh doanh dịch vụ | Cho sạc xe điện | Chênh lệch (đ/kWh) | |
|----|--|--|----------|--------------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| | | | (đ/kWh) | (đ/kWh) | (đ/kWh) | Sản xuất (3)-(1) | Kinh doanh (3)-(2) |
| | | | (1) | (2) | (3) | (3)-(1) | (3)-(2) |
| 1 | Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV) | 25,655,545 | 1,994 | 3,013 | 2,546 | 552 | (467) |
| | a) Giờ bình thường | 13,894,901 | 1,669 | 2,629 | 2,368 | 699 | (261) |
| | b) Giờ thấp điểm | 4,190,978 | 1,084 | 1,465 | 1,425 | 341 | (40) |
| | c) Giờ cao điểm | 7,569,666 | 3,093 | 4,575 | 3,494 | 401 | (1,081) |
| 2 | Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV | 53,558,106 | 2,297 | 3,524 | 2,937 | 641 | (587) |
| | a) Giờ bình thường | 31,816,414 | 1,809 | 2,870 | 2,507 | 698 | (363) |
| | b) Giờ thấp điểm | 3,100,656 | 1,184 | 1,746 | 1,508 | 324 | (238) |
| | c) Giờ cao điểm | 18,641,036 | 3,314 | 4,937 | 3,909 | 595 | (1,028) |



Số: /2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 3

Kèm theo CV số /BCT-ĐTĐL
ngày /01/2025 của Bộ Công Thương

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; cơ chế giá điện phù hợp cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; cơ chế hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 50 Luật Điện lực năm 2024.

2. Quyết định này áp dụng đối với:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Đơn vị bán lẻ điện mua điện từ Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Đơn vị bán lẻ điện tại nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng điện.

Điều 2. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

1. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện là bảng kê tỷ lệ phần trăm (%) của mức giá bán lẻ điện bình quân để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trường hợp cơ cấu tiêu thụ điện thay đổi, căn cứ mức giá bán lẻ điện

bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền, giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được phép điều chỉnh trong phạm vi $\pm 2\%$ so với tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được xác định căn cứ mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 3. Giá bán lẻ điện

1. Giá bán lẻ điện được quy định chi tiết cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện, bao gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt.

2. Giá bán lẻ điện theo các cấp điện áp: cao áp là cấp điện áp danh định trên 35 kV (bao gồm cấp điện áp trên 35 kV đến dưới 220 kV và cấp điện áp đến 220 kV), trung áp là cấp điện áp danh định trên 01 kV đến 35 kV, hạ áp là cấp điện áp danh định đến 01 kV áp dụng cho các nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp.

3. Giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày cho mục đích sản xuất, kinh doanh tại các cấp điện áp được áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện đủ điều kiện.

4. Giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sinh hoạt gồm 5 bậc có mức giá tăng dần nhằm khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

5. Áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia.

Chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện; đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Trường hợp giá bán lẻ điện có nhiều thành phần áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Hỗ trợ tiền điện

1. Hộ nghèo theo tiêu chí của quy định pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt, mức hỗ trợ hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

2. Hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (không thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo quy định tại khoản 1 Điều này) và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh được hỗ trợ tiền điện tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

3. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định pháp luật. Đối với giai đoạn 2022-2025, Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo nguyên tắc quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định và hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bằng văn bản hành chính về khung giờ cao điểm, thấp điểm, giờ bình thường phù hợp với tình hình sử dụng điện của hệ thống điện trong từng giai đoạn.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan xây dựng tiêu chí hộ chính sách xã hội được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc tính toán tiền hỗ trợ hằng năm cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

c) Bố trí ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội quy định tại Quyết định này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;

b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định;

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện được tiếp tục áp dụng từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024, thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và được áp dụng kể từ ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

3. Trường hợp hợp nhất Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tinh gọn, sắp xếp lại Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan mới thành lập từ việc hợp nhất, tinh gọn, sắp xếp lại các Bộ, cơ quan nêu trên kế thừa chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan tới Quyết định này sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục
CƠ CẤU BIỂU GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | Nhóm đối tượng khách hàng | Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%) |
|------------|--|--|
| 1 | Giá bán lẻ điện cho sản xuất | |
| 1.1 | Cấp điện áp cao áp trên 35 kV | |
| 1.1.1 | Cấp điện áp đến 220 kV | |
| | a) Giờ bình thường | 84% |
| | b) Giờ thấp điểm | 53% |
| | c) Giờ cao điểm | 146% |
| 1.1.2 | Cấp điện áp từ trên 35 kV đến dưới 220 kV | |
| | a) Giờ bình thường | 85% |
| | b) Giờ thấp điểm | 54% |
| | c) Giờ cao điểm | 151% |
| 1.2 | Cấp điện áp trung áp (trên 01 kV đến 35 kV) | |
| | a) Giờ bình thường | 86% |
| | b) Giờ thấp điểm | 56% |
| | c) Giờ cao điểm | 157% |
| 1.3 | Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV | |
| | a) Giờ bình thường | 93% |
| | b) Giờ thấp điểm | 61% |
| | c) Giờ cao điểm | 168% |
| 2 | Giá bán lẻ điện cho hành chính sự nghiệp | |
| 2.1 | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục | |
| 2.1.1 | Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV) | 90% |
| 2.1.2 | Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV | 96% |
| 2.2 | Chiếu sáng công cộng, đơn vị hành chính sự nghiệp | |
| 2.2.1 | Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV) | 99% |
| 2.2.2 | Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV | 103% |
| 3 | Giá bán lẻ điện cho kinh doanh | |
| 3.1 | Giá bán lẻ điện cho cơ sở lưu trú du lịch | |

| TT | Nhóm đối tượng khách hàng | Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%) |
|------------|---|--|
| 4.1.1 | Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV) | |
| | a) Giờ bình thường | 86% |
| | b) Giờ thấp điểm | 56% |
| | c) Giờ cao điểm | 157% |
| 4.1.2 | Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV | |
| | a) Giờ bình thường | 93% |
| | b) Giờ thấp điểm | 61% |
| | c) Giờ cao điểm | 168% |
| 3.2 | Giá bán lẻ điện cho sạc xe điện | |
| 3.2.1 | Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV) | |
| | a) Giờ bình thường | 118% |
| | b) Giờ thấp điểm | 71% |
| | c) Giờ cao điểm | 174% |
| 3.2.2 | Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV | |
| | a) Giờ bình thường | 125% |
| | b) Giờ thấp điểm | 75% |
| | c) Giờ cao điểm | 195% |
| 3.3 | Giá bán lẻ điện cho các hộ kinh doanh khác | |
| 3.3.1 | Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV) | |
| | a) Giờ bình thường | 133% |
| | b) Giờ thấp điểm | 75% |
| | c) Giờ cao điểm | 230% |
| 3.3.2 | Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV | |
| | a) Giờ bình thường | 145% |
| | b) Giờ thấp điểm | 89% |
| | c) Giờ cao điểm | 248% |
| 4 | Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt | |
| | Bậc 1: Cho kWh đến 100 | 90% |
| | Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200 | 108% |
| | Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400 | 136% |
| | Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700 | 162% |
| | Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên | 180% |